

Bản án số: 136/2022/HS-ST

Ngày 01 - 10 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Minh Huyền và ông Trần Ngọc Chiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Hải Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 87/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXXST-HS ngày 24/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/HSST-QĐ ngày 06/9/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2022/TB-TA ngày 16/9/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Xuân G, tên gọi khác: không; sinh ngày xx/x/xxxx, tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ C, khu A, phường Cẩm S, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; G tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Xuân P và bà Vũ Thị L; vợ: Nguyễn Thị Thu H và 03 con, lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 27/12/2021, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Công ty cổ phần Giao hàng T; địa chỉ: Tòa nhà V, số 8 Phạm H, phường M, quận Nam T, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng Q – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: chị Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm xxxx; nơi cư trú: tổ B, khu B1, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh và anh Vũ Đình H, sinh năm: xxxx; nơi cư trú: thôn Tráng L, xã Thanh Sơn, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Xuân P, sinh năm 1966; nơi cư trú: tổ C, khu A, phường Cẩm S, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Người làm chứng: các anh chị: Nguyễn Thị Tuyết T, Lê Thị T, Nguyễn Quang T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị C, Đỗ Hoàng L, Vũ

Thị Lâm O, Lương Thanh M, Phạm Thị Thu H, Phạm Thị H, Lưu Thanh T, Nguyễn Khắc C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Xuân H, Hoàng Thị Quỳnh P, Đinh Trung H, Lê Thị T Th, Đinh Quang Th, Sa Thị Lan A, Nguyễn Thị N, Phạm Văn L, Trần Thanh N, Đỗ Lê Thành Đ, Phạm Thị Y, Đàm Quang N, Đỗ Thị D, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Th, Hoàng Văn T, Trần Văn K, đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 5/2021, Lê Xuân G ký hợp đồng dịch vụ với Công ty cổ phần Giao hàng T, có địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà V, số 8 Phạm H, phường M, quận Nam T, thành phố Hà Nội; nhiệm vụ của G là đi giao hàng tại Chi nhánh H, tại số nhà N, đường Hoàng Quốc V, phường Cẩm S, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, G được cấp một tài khoản có tên là “gioilx”, để đăng nhập vào phần mềm “GHTK Drivers” của Công ty. Mọi hoạt động giao, nhận hàng, thu hộ tiền từ khách hàng, G đều phải cập nhật trên phần mềm, Công ty sẽ tiến hành kiểm soát dịch vụ trên phần mềm này. Thù lao dịch vụ do Công ty thanh toán cho G một tháng một lần, căn cứ theo khối lượng, chất lượng công việc mà G đã hoàn thành.

Về tuyến giao, nhận hàng là do nhân viên điều phối sắp xếp, vào 7 giờ 30 phút và 13 giờ 30 phút hằng ngày, G tiếp nhận đơn hàng qua thông qua phần mềm “GHTK Drivers”. Sau đó, G đi giao hàng (liên hệ với khách hàng, giao hàng cho khách theo thông tin trên phần mềm, thu đúng số tiền thu hộ, kiểm tra và chuyển trạng thái đơn hàng trên phần mềm gồm: giao được hàng, không giao được hàng (Delay) hoặc hủy đơn hàng); đến 12 giờ 30 phút và 17 giờ 30 phút hằng ngày, G trở về kho gấp thu ngân bàn giao lại số hàng chưa giao được trong ca và số tiền đã thu hộ theo thông tin trên phần mềm.

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2021 đến tháng 11/2021, lợi dụng sơ hở của nhân viên điều phối trong quá trình kiểm soát các đơn hàng chưa giao được và do thiếu tiền chi tiêu sinh hoạt, từ ngày 15/8/2021 đến 02/11/2021, G đã nhận tổng số 36 đơn hàng, trị giá 95.520.500 đồng, được nhân viên điều phối xác nhận. Sau đó, G đã giao thành công 36 đơn hàng trên và thu đầy đủ tiền của khách hàng, nH G vẫn báo trên phần mềm không giao được hàng và không nộp tiền đã thu về cho Công ty. Để che giấu việc làm trên, một số đơn hàng sau khi giao được hàng cho khách, G lấy những hộp bìa catton rỗng, rồi làm tem hện có mã số đơn hàng, ngày hện dán lên vỏ hộp. Một số hộp, G cho những đồ vật cũ, không có giá trị vào bên trong, G để những hộp bìa catton này vào trong giỏ hàng của G tại kho để tránh sự phát hiện của nhân viên điều phối, G đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 95.520.500 đồng của Công ty cổ phần giao hàng T. Cụ thể như sau:

* Từ ngày 15/8/2021 đến 02/11/2021, Lê Xuân G đã liên tiếp thực hiện hành vi như đã nêu trên để chiếm đoạt số tiền 23.886.500 đồng đối với 19 đơn hàng, mỗi đơn hàng có giá trị dưới 2.000.000 đồng, gồm:

- Ngày 19/10/2021: nhận 01 đơn hàng, giao cho anh Đỗ Lê Thành Đ (sinh năm 2004, trú tại phường Cẩm Đ) 01 chiếc áo khoác, thu tiền mặt 430.000 đồng.

- Ngày 21/10/2021: nhận 01 đơn hàng, giao cho chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1983, trú tại tổ 20, khu 2B, phường Hà P, TP Hạ L) 01 hộp ngũ cốc, thu tiền mặt 1.580.000 đồng.

- Ngày 23/10/2021: nhận 01 đơn hàng, giao cho anh Đỗ Hoàng L (sinh năm xxxx, số nhà 12, tổ 70, khu Diêm T, Cẩm Đ) 01 bịch sữa Rule 1 Mass, đã thu tiền mặt 1.110.000 đồng.

- Ngày 24/10/2021: nhận 01 đơn hàng, giao cho chị Nguyễn Thị C (sinh năm xxxx, số nhà 940, tổ 57, khu H1, Cẩm Đ) hương đốt mùi thuốc bắc, đã thu tiền mặt 1.400.000 đồng.

- Ngày 24/10/2021: nhận 01 đơn hàng, giao cho chị Vũ Thị Lâm O (sinh năm xxxx, tổ 63, khu Diêm T, Cẩm Đ) 02 quần Thun và Da trơn, đã thu tiền mặt 1.170.000 đồng.

- Ngày 25/10/2021: nhận 02 đơn hàng, bao gồm: giao cho anh Lương Thanh M (sinh năm xxxx, tổ S, khu Diêm T, Cẩm Đ) 01 main tivi, đã thu tiền mặt 1.430.000 đồng; giao cho chị Phạm Thị Thu H (sinh năm xxxx, tổ S, khu D, Cẩm Đ) 06 bộ dây đèn led, đã thu tiền mặt 1.200.000 đồng;

- Ngày 26/10/2021: nhận 02 đơn hàng, bao gồm: giao cho anh Nguyễn Khắc C (sinh năm xxxx, tổ S, khu Diêm T, C1) tem máy xúc nhãn hiệu Doosan, đã thu tiền mặt 1.000.000 đồng; giao cho anh Nguyễn Văn Linh (sinh năm xxxx, tổ S, khu Diêm T, Cẩm Đ) 02 lọ mỹ phẩm Skinavis, anh Linh đã chuyển khoản cho G 1.088.000 đồng.

- Ngày 27/10/2021: nhận 02 đơn hàng, bao gồm: giao cho chị Hoàng Thị Quỳnh P (sinh năm xxxx, tổ H, khu H, Cẩm B) kem đánh răng, thổi son mini, kem trị mụn, chai xịt khoáng, đã thu tiền mặt 1.580.000 đồng; giao cho chị Lê Thị T T (sinh năm xxxxx, tổ N, khu D, Cẩm Đ) đồ nail là máy lơ tích điện 48W, đã thu tiền mặt 1.382.500 đồng;

- Ngày 28/10/2021: nhận 01 đơn hàng, bao gồm: giao cho chị Sa Thị Lan A (sinh năm xxxx, tổ N, khu D, C1) kem chống nắng, đã thu tiền mặt 1.932.000 đồng;

- Ngày 29/10/2021: nhận 02 đơn hàng, bao gồm: giao cho chị Nguyễn Thị L (sinh năm 1985, tổ 63, khu D, C1) 01 áo phao dài và 01 bộ thể thao, đã thu tiền mặt 1.510.000 đồng; giao cho anh Phạm Văn Lợi (sinh năm xxxx, tổ B, khu D, Cẩm B, C) 01 đôi giày, đã thu tiền mặt 1.232.500 đồng;

- Ngày 30/10/2021: nhận 01 đơn hàng, giao cho anh Đỗ Lê Thành Đ (sinh năm xxxx, phường C1) 01 đôi giày Nike, đã thu tiền mặt 515.000 đồng;

- Ngày 02/11/2021: nhận 04 đơn hàng, bao gồm: giao cho chị Nguyễn Thị Cx (sinh năm xxxx, số nhà C, tổ N, khu D, C1) 04 áo dài lụa nhung thêu, đã thu tiền mặt 1.500.000 đồng; giao cho chị Nguyễn Thị T (sinh năm xxxx, tổ S, khu D, C1) 01 chiếc áo, đã thu tiền mặt 980.000 đồng; giao cho anh Đỗ Lê Thành Đx (sinh năm xxxx, phường C1) 01 chiếc áo khoác, đã thu tiền mặt 430.000 đồng; giao cho anh Trần Văn K (sinh năm xxxx, tổ S, khu D, C1) 01 chiếc áo, đã thu tiền mặt 1.811.500 đồng.

- Ngày 15/8/2021, nhận 01 đơn hàng, giao cho anh Nguyễn Quang T1(sinh năm xxxx, tổ N, khu B, Cẩm S), 03 chiếc áo phông, đã thu tiền mặt 1.035.000 đồng.

* Từ ngày 22/10/2021 đến ngày 02/11/2021, Lê Xuân G đã liên tiếp chiếm đoạt tổng số tiền 71.634.000 đồng đối với 17 đơn hàng, mỗi đơn hàng có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên, cụ thể:

- Ngày 22/10/2021: nhận 01 đơn hàng, giao cho anh Lưu Thanh T (sinh năm xxx, trú tại số M, V, C1) 01 ví da, đã thu tiền mặt 2.200.000 đồng.

- Ngày 23/10/2021: nhận 01 đơn hàng, giao cho chị Phạm Thị H (sinh năm xxxx, trú tại số 243, khu D, C1) 60 hộp áo nhiệt có ren, chị H đã chuyển khoản cho G 6.427.000 đồng.

- Ngày 26/10/2021: nhận 02 đơn hàng, bao gồm: giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T (sinh năm xxxx, tổ 17, khu Đông H, C1) 02 đơn hàng bao gồm: 06 ri (dây) quần áo thể thao màu đỏ và 03 dây quần áo thể thao màu xám, đã thu tổng số tiền mặt là 4.618.000 đồng + 2.268.000 đồng = 6.886.000 đồng;

- Ngày 27/10/2021: nhận 04 đơn hàng, bao gồm: giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T (sinh năm xxxx, tổ M, khu Đông H, C1) quần áo trẻ em, đã thu tiền mặt 2.895.000 đồng; giao cho anh Nguyễn Xuân H (sinh năm xxxx, tổ N, khu H 1, C1) đồng hồ nhãn hiệu Olympianus, đã thu tiền mặt 4.050.000 đồng; giao cho anh Đinh Trung H (sinh năm xxxx, số M, đường Bà T, C1) bàn phím máy tính, đã thu tiền mặt 3.327.500 đồng; giao cho anh Đinh Quang T (sinh năm xxxx, tổ N, khu T1, C) 03 gậy bi-a và 10 lót cao su, đã thu tiền mặt 2.390.000 đồng.

- Ngày 28/10/2021: nhận 01 đơn hàng, giao cho chị Nguyễn Thị N (sinh năm xxxx, tổ B, khu Đ2, C1) đồng hồ Rolex, đã thu tiền mặt 12.000.000 đồng.

- Ngày 29/10/2021: nhận 02 đơn hàng, bao gồm: giao cho chị Nguyễn Thị N (sinh năm xxxx, tổ B, khu 2, C1) bọc ghế, đã thu tiền mặt 3.100.000 đồng; giao cho chị Trần Thanh N (sinh năm xxxx, số S, tổ B, khu M, C) 02 bộ váy hồng kẻ đen, chị N đã chuyển khoản cho G 4.000.000 đồng.

- Ngày 30/10/2021: nhận 01 đơn hàng, giao cho chị Phạm Thị Y (sinh năm xxxx, tổ B, D, C) thiết bị spa, đã thu tiền mặt 5.474.000 đồng.

- Ngày 02/11/2021: nhận 05 đơn hàng, bao gồm: giao cho chị Vũ Thị Lâm O (sinh năm xxxx, tổ S, khu D, C1) 02 đôi giày Nkie, đã thu tiền mặt 5.997.500 đồng; giao cho anh Đàm Quang N (sinh năm xxx, trú tại tổ B, khu Đ1, phường C1) 03 hộp an cung ngư hoàng hoàn Hàn Quốc, đã thu tiền mặt 3.390.000 đồng; giao cho chị Đỗ Thị D (sinh năm xxxx, trú tại tổ D, khu Đ1, C1) 01 chiếc áo phao cổ lông, đã thu tiền mặt 2.580.000 đồng; giao cho chị Nguyễn Thị H (sinh năm xxxx, khu Đ2, C1) 200 con mồi chúa, đã thu tiền mặt 2.745.000 đồng; giao cho anh Hoàng Văn T (sinh năm xxxx, số S, N, C1) điều khiển ti vi, đã thu tiền mặt 4.172.000 đồng.

Chi nhánh số 26 tiến hành kiểm tra, phát hiện 36 đơn hàng mà Lê Xuân G báo cáo là chưa giao được hàng cho khách thì trong kho của Chi nhánh số 26 chỉ có 14 hộp catton (trong đó: 10 hộp rỗng, 04 hộp có đựng đồ vật gồm: 01 ốp điện thoại bằng nhựa, 01 card máy tính đã qua sử dụng, 01 bức tranh đánh đá, 02 chiếc kính gọng bằng nhựa), còn 22 đơn hàng không có trong kho. Công ty cổ phần giao hàng

T sau khi phát hiện sự việc Lê Xuân G có hành vi chiếm đoạt tiền của các đơn hàng đã giao cho khách nên ngày 08/11/2021 Công ty đã có đơn trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố C.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ toàn bộ 14 hộp bìa catton cùng các đồ vật nêu trên và thu giữ 01 USB bên trong có các đoạn video ghi lại việc G nhận 36 đơn hàng tại kho và file ghi âm khách hàng xác nhận đã nhận được hàng do nhân viên điều phối của Công ty giao nộp. Từ ngày 03/11/2021 Lê Xuân G tự ý nghỉ việc không đi làm, đến ngày 27/12/2021 bị cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C để đầu thú; ông Lê Xuân P (bố bị cáo) thay bị cáo nộp lại số tiền 95.520.000 đồng để khắc phục hậu quả tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an TP C, số tiền này đã được trả lại cho Công ty cổ phần giao hàng T.

Bản cáo trạng số: 96/CT-VKS-CP ngày 24/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Lê Xuân G về tội “Tham ô tài sản”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Xuân G khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án đã nêu, bị cáo thừa nhận ký hợp đồng dịch vụ với Công ty cổ phần giao hàng T từ ngày 31/5/2021 với nội dung thực hiện giao nhận hàng hóa cho khách hàng, thu hộ tiền từ khách hàng và nộp lại đầy đủ tiền thu hộ cho Công ty, cập nhật và bàn giao kết quả thực hiện dịch theo đúng yêu cầu của Công ty. Ngoài ra bị cáo còn ký hợp đồng trách nhiệm vật chất, nộp tiền ký quỹ; ký 02 bản cam kết về việc chống tham nhũng, hối lộ, bảo mật thông tin và thực hiện đúng quy trình vận hành với Công ty cổ phần Giao hàng T. Trong quá trình thực hiện việc giao nhận hàng hóa cho khách hàng, lợi dụng sự sơ hở của Công ty trong quản lý các đơn hàng và do hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ sắp sinh con thứ 3 nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền thu được của Công ty. Từ ngày 13/8/2021 cho đến ngày 31/10/2021 trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, sau khi thu được tiền hàng của khách bị cáo vẫn báo delay 36 đơn hàng để không phải nộp tiền về Công ty với tổng số tiền là 95.520.500 đồng, bị cáo đã dùng số tiền chiếm đoạt được để chi tiêu cho sinh hoạt gia đình. Trong quá trình điều tra bị cáo đã động viên ông Lê Xuân T (bố bị cáo) nộp tại Cơ quan cảnh sát điều tra số tiền này để trả lại cho Công ty cổ phần giao hàng T. Trong số vật chứng bị công an thu giữ, chiếc điện thoại bị cáo sử dụng vào việc phạm tội còn các đồ vật như 01 ốp điện thoại bằng nhựa, 01 card máy tính đã qua sử dụng, 01 bức tranh đính đá, 02 chiếc kính gọng bằng nhựa đều là những vật không còn giá trị sử dụng bị cáo cho vào các hộp catton để tránh sự phát hiện của nhân viên điều phối. Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố đối với bị cáo về tội “Tham ô tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không bị oan. Bị cáo thấy ân hận về hành vi phạm tội của mình, hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình, có bố mẹ già không có công ăn việc làm ổn định, hiện đang phải nuôi ba con nhỏ, hai con lớn sắp đến tuổi đi học còn con nhỏ nhất dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại là chị Nguyễn Thị Tuyết T (nhân viên điều phối của Công ty) và anh Vũ Đình H (nhân viên pháp chế của Công ty) vắng mặt tại phiên tòa NH có lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra thể hiện: anh chị là người

đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần giao hàng T, Lê Xuân G được Công ty ký hợp đồng dịch vụ số MB568789-1/2021/HDDV với nhiệm vụ là nhân viên giao hàng (shipper hoặc Cod), nhiệm vụ là giao nhận hàng hóa cho khách hàng, thu hộ tiền từ khách hàng và nộp lại đầy đủ tiền thu hộ của công ty. Trong thời gian làm việc từ ngày 15/8/2021 đến ngày 02/11/2021 G đã nhận nhiều đơn hàng mang đi giao, sau đó báo lên hệ thống mạng của Công ty có 36 đơn hàng với tổng trị giá 95.520.500 đồng là chưa giao được hàng cho khách và không nộp số tiền trên về Công ty theo quy định rồi chiếm đoạt số tiền này để chi tiêu cá nhân. Sau khi bị cáo thực hiện hành vi, phía Công ty đã đề nghị cơ quan Công an điều tra xử lý hành vi phạm tội của bị cáo. Trong quá trình điều tra bị cáo G đã nhận thức rõ được hành vi phạm tội cũng đã động viên gia đình đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 95.520.000 đồng để bồi thường thiệt hại, khắc phục toàn bộ hậu quả. Về phía Công ty cũng nhận thức còn một số sai sót trong quy trình xử lý hàng hóa đó là: Cod nhận hàng để đi giao cho khách và điều phối xác nhận đơn hàng giao cho Cod, trường hợp Cod không giao được hàng báo trạng thái đơn hàng là delay giao hàng NH việc giao nhận số hàng delay từ Cod không thực hiện chặt chẽ (không kiểm tra tại giỏ hàng của Cod có mặt hàng đó hay không) nên không kịp thời phát hiện hành vi gian lận của Cod để ngăn chặn xử lý. Sau khi phát hiện ra sự việc của bị cáo Chi nhánh Công ty tại tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức họp để chỉ ra những tồn tại, thiếu sót, sai phạm và kỷ luật với các điều phối làm việc tại kho Cẩm Sơn. Trong quá trình điều tra, đại diện của bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, tại đơn xin xử án vắng mặt, cả hai người đại diện được ủy quyền đều có quan điểm về phần dân sự Công ty đã được nhận bồi thường đầy đủ nên không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự; về phần hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Xuân P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có lời khai tại Cơ quan điều tra và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa thể hiện: ông là bố của bị cáo, số tiền 95.520.000 đồng ông giao nộp tại Cơ quan điều tra Công an thành phố Clà tiền của ông, do con ông có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đã xin ông số tiền này để nộp lại cho Công ty cổ phần giao hàng T nhằm khắc phục hậu quả và được xem xét giảm nhẹ hình phạt, ông không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

Các anh chị Nguyễn Thị Tuyết T, Lê Thị T, Nguyễn Quang T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị C, Đỗ Hoàng L, Vũ Thị Lâm O, Lương Thanh M, Phạm Thị Thu H, Phạm Thị H, Lưu Thanh T, Nguyễn Khắc C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Xuân H, Hoàng Thị Quỳnh P, Đinh Trung H, Lê Thị T Thu, Đinh Quang T, Sa Thị Lan A, Nguyễn Thị N, Phạm Văn L, Trần Thanh N, Đỗ Lê Thành Đ, Phạm Thị Y, Đàm Quang N, Đỗ Thị D, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Hoàng Văn T, Trần Văn K đều là người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa và đều có lời khai tại Cơ quan điều tra thể hiện: các anh chị là người mua hàng qua mạng (zalo, facebook), đều đã nhận được hàng và đã thanh toán tiền hàng (tiền mặt hoặc chuyển khoản) cho nhân viên giao hàng đầy đủ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Xuân G về tội “Tham ô tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt Lê Xuân G từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu tiêu hủy toàn bộ 14 vỏ hộp catton, 01 ốp điện thoại bằng nhựa, 01 card máy tính, 01 bức tranh đính đá; 02 chiếc gọng kính nhựa; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7; chiếc USB cần lưu tại hồ sơ vụ án.

Tại phần tranh luận: bị cáo Lê Xuân G không tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C. Bị cáo thấy ân hận với hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất để bị cáo cải tạo tốt, thành người có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đều không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội đúng với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu như: Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; phù hợp với đơn trình báo và lời khai của người đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và còn phù hợp với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: từ ngày 15/8/2021 đến ngày 02/11/2021, Lê Xuân G là nhân viên giao hàng (Shipper hoặc Cod) của Công ty cổ phần giao hàng T, bị cáo đã lợi dụng quyền hạn trách nhiệm trong việc đi giao hàng cho khách mua hàng qua các trang mạng xã hội thu tiền hàng, lợi dụng sự sơ hở của Công ty trong quá trình quản lý 36 đơn hàng của 32 khách hàng với tổng số tiền 95.520.500 đồng, trong đó có 17 đơn hàng với mỗi đơn hàng có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên, tất cả giá trị của 36 đơn hàng bị cáo không nộp lại số tiền thu hộ về Công ty theo quy định mà dùng để tiêu sái cá nhân. Hành vi trên của bị cáo G đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh truy tố

đối với bị cáo Lê Xuân G là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đối với bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Xuân G là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự hoạt động đúng đắn của doanh nghiệp, đồng thời xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản đã được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, NH vì **ý thức chấp hành pháp luật kém, thiếu ý thức rèn luyện bản thân, thích hưởng thụ**, tham lam, tư lợi nên đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên. Hành vi phạm tội bị phát hiện là ngoài ý muốn của bị cáo nên cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như mức hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo G không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra để đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội cũng động viên gia đình nộp lại số tiền đã chiếm đoạt được để khắc phục hậu quả; trong thời gian làm dân quân tự vệ tại Ban chỉ huy quân sự Thành phố Cũng được khen thưởng vì có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng chính quyền và huấn luyện chiến đấu lực lượng dân quân tự vệ phường C; thành tích xuất sắc trong công tác hội thao Trung đội dân quân cơ động và trong tham gia công tác tổ chức đại hội chi bộ và bầu cử Trưởng khu phố nhiệm kỳ 2022 - 2025; vợ mới sinh con nhỏ nên bị cáo là lao động chính trong gia đình, ngoài ra trong vụ án này cũng xác định bị hại cũng có một phần lỗi trong việc quản lý các đơn hàng trước khi giao cho Cod để giao cho khách hàng, sau khi bị cáo báo delay đơn hàng NH không thực hiện việc bàn giao và kiểm soát, khiến bị cáo lợi dụng sơ hở để chiếm đoạt được giá trị các đơn hàng. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, toàn bộ thiệt hại được bị cáo tự nguyện khắc phục, do đó xử phạt bị cáo mức án thấp dưới khung hình phạt NH trong khung liên kề theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để bị cáo thấy được tính nhân đạo của pháp luật.

Nhưng dù xem xét đến đâu cũng cần bắt bị cáo cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội ... có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”, tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản riêng để đảm bảo điều kiện thi hành án, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án: quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ: 14 hộp catton, 01 ốp điện thoại bằng nhựa, 01 card máy tính, 01 bức tranh

đỉnh đá; 02 chiếc gọng kính nhựa đều không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; Công an còn thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu xanh bị cáo dùng làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; 01 USB bên trong có các đoạn video ghi lại việc G nhận 36 đơn hàng tại kho và file ghi âm khách hàng xác nhận đã nhận được hàng do nhân viên điều phối của Công ty giao nộp, đây là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cần lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: số tiền bị cáo chiếm đoạt được gia đình bị cáo nộp lại và trả cho bị hại, đến nay Công ty cổ phần giao hàng T không có yêu cầu gì khác; số tiền 95.520.000 đồng ông Lê Xuân P không yêu cầu bị cáo trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Xuân G phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân G 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 14 (mười bốn) hộp catton, 01 (một) ốp điện thoại bằng nhựa, 01 (một) card máy tính, 01 (một) bức tranh đỉnh đá, 02 (hai) chiếc kính gọng bằng nhựa (không rõ chủng loại).

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A7, màu xanh, màn hình bị vỡ kèm 02 sim (không xác định số sim), trên sim 1 có 4 dãy số: 8984, 04800, 00493, 57261; trên sim 2 có 4 dãy số: 8401, 1908, 1248, 9172

Tình trạng vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 146/BB-THA ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Xuân G phải nộp: 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo; vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án; người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh QN;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QN;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. C
- CQ CSĐT CA TP C, CQ THA HS;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.C;
- Bị cáo, bị hại, người có QL và NVLQ;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quýnh

